

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/HS-ST

Ngày: 12-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Quốc Hưng

Ông Võ Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Quốc T; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 tại tỉnh D; Địa chỉ thường trú: ấp A xã B, huyện C, tỉnh D; Địa chỉ tạm trú: Nhà không số, tổ A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố E; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quốc T (chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1962; Có vợ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: 01; Bản án số 08/2020/HSST ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2020, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 95/2014/HSST ngày 22/4/2014 của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/8/2014, đã được xóa án tích; Bị bắt tạm giam từ ngày 16 tháng 02 năm 2022. (Có mặt)

Bị hại: Bà Lê Thị V; Địa chỉ: Số A đường B, khu phố C, phường D, thành phố E, Thành phố F. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Trần Quốc T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng tiền tiêu xài. Lúc 08 giờ ngày 17/4/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 70D1-391.35 đi trên đường Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức tìm tài sản. Khi đến trước cửa hàng bán thiết bị nhà bếp tại số 662 đường Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức thì T thấy phía trước cửa hàng không có người trông coi. T dừng xe đi bộ vào cửa hàng thấy có 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS của chị Lê Thị V để trên bàn làm việc, chị V đang ở phía nhà sau của cửa hàng. T đến gần bàn và dùng tay trái cầm chiếc điện thoại trên để vào túi quần phía trước bên trái rồi bỏ chạy ra cửa. Lúc này chị V phát hiện đuổi theo T và tri hô nhưng T lên xe nổ máy chạy ra hướng chợ Thủ Đức. Sau đó, T điều khiển xe đến cầu Gò Dưa rồi tiếp tục đi đến đường Lê Thị Hoa, phường Bình Chiểu thì gặp một nhóm thanh niên (chưa rõ lai lịch), T bán điện thoại trên giá 2.900.000 đồng cho một thanh niên trong nhóm trên. Đến ngày 22/5/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 70D1-391.35 lưu thông trên địa bàn phường Tam Bình, có dấu hiệu nghi vấn nên Công an phường Tam Bình tiến hành kiểm tra hành chính, T khai ngày 17/4/2021 T lấy trộm điện thoại di động của chị V.

Vật chứng: 01 USB hiện trường vụ án; 01 xe mô tô Honda AirBlade màu vàng đen, biển số 70D1-391.35 của Trần Quốc T; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số: 142-KV3/KLĐG-HĐĐGTS ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Đức kết luận, điện thoại di động hiệu Iphone XS có giá trị 10.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 118/CT-VKSTPTĐ ngày 23/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Quốc T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Về bồi thường thiệt hại: Chị Lê Thị V đã nhận tiền bồi thường 8.000.000 đồng của Trần Quốc T nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại; Về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng; Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa; Bị cáo nói lời sau cùng biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố

Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc T khai nhận vào khoảng 08 giờ ngày 17/4/2021, do cần tiền tiêu xài cho bản thân nên Trần Quốc T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS trị giá 10.000.000 đồng của chị Lê Thị V, tại số 662 đường Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích muốn thỏa mãn động cơ cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên vẫn cố tình phạm tội với lỗi cố ý. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 USB hiện trường vụ án tiếp tục lưu hồ sơ; 01 xe mô tô biển số 70D1-391.35 xét thấy là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Trần Quốc T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16 tháng 02 năm 2022.

2. Áp dụng Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô Honda AirBlade màu vàng đen, biển số 70D1-391.35, số máy: JF63E1733512, số khung: RLHJF6304FZ733495. (Theo Phiếu nhập kho số NKT2022/72 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức)

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Trại giam và bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thái Bình